**TỰ TÌNH II**

- Hồ Xuân Hương –

|  |
| --- |
| **I.Tìm hiểu chung:**  ***1. Hồ Xuân Hương:*** (chưa rõ năm sinh, năm mất)  - Đi nhiều nơi – thân thiết với nhiều danh sĩ (như ND)  - Cuộc đời, tình duyên nhiều éo le, ngang trái.  - Sáng tác: Gồm chữ Nôm, chữ Hán  + Khoảng 40 bài thơ Nôm  + Tập Lưu hương Kí (phát hiện 1964, gồm 24 bài chữ Hán và 26 bài chữ Nôm)  - Hồ Xuân Hương là hiện tượng độc đáo: nhà thơ phụ nữ viết về phụ nữ, trào phúng mà trữ tình; đề tài, cảm hứng đến ngôn ngữ, hình tượng đậm chất VHDG.  - Thơ Nôm: Tiếng nói thương cảm, là sự khẳng định đề cao vẻ đẹp và khát vọng của người phụ nữ.  -> Được mệnh danh là “Bà chúa thơ Nôm”.  ***2. Bài Tự tình* (II):** nằm trong chùm thơ Tự tình (gồm 3 bài)  ***3. Nhan đề và kết cấu bài thơ:***  \* Nhan đề:  - Tự: thuật, kể (cách trữ tình)  - Tình: tình cảm, tâm trạng (nội dung trữ tình)  => Tự tình: thuật kể nỗi lòng mình  \* Kết cấu:  - Thơ Đường luật: Đề - Thực – Luận – Kết  - Theo mạch cảm xúc tâm trạng nhân vật trữ tình: Buồn tủi, xót xa (4 câu đầu); phẫn uất trước duyên phận (2 câu tiếp); nỗi đau thân phận (2 câu cuối). |
| **II. Đọc hiểu văn bản**  ***1. Hai câu đề:***  - Thời gian : đêm khuya  - Không gian vắng vẻ với bước đi dồn dập của thời gian “tiếng trống canh dồn" - sự rối bời của tâm trạng.  - Thân phận bẽ bàng, chua xót: *Trơ cái hồng nhan với nước non*  + Trơ: - Trơ trọi, cô đơn  - Bẽ bàng, tủi hổ  - trơ lì, không cảm giác  o *Trơ + cái hồng nhan:*  bẽ bàng, cay đắng  o *Trơ + nước non*: sự bền gan, thách đố  + Đảo ngữ: *Trơ* - tủi hổ, bẽ bàng (nhấn mạnh)  + Nhịp điệu 1/3/3 nhấn mạnh sự bẽ bàng đồng thời đó còn là thế đứng đầy ngang tàng, thách thức của con người trước tạo vật  + Kết hợp từ:  o *Cái + hồng nhan*: rẻ rúng, mỉa mai 🡪 xót xa  (từ cái đã vật chất hóa thân phận lẽ ra cần được nâng niu trân trọng "hồng nhan"  🡪 Buồn tủi + thách thức -> Có sự đối lập giữa cái cá nhân cô đơn nhỏ bé với XH, cuộc đời –> Nỗi cô đơn khủng khiếp của con người.  **⮲ Sự cô đơn, trơ trọi, tủi hổ, bẽ bàng của nữ sĩ trong đêm khuya giữa không gian rộng lớn.**  ***2. Hai câu thực:***  - Mượn rượu để giải sầu nhưng *“say lại tỉnh”* – vòng luẩn quẩn không lối thoát -> hình dung một người đàn bà uống rượu trong đêm vắng và tự thấy cái vũng quẩn quanh, chứa đầy nỗi chán chường, niềm vô vọng, sự cô đơn tột cùng. Càng say càng tỉnh, càng cảm nhận nỗi đau thân phận.  - Ngắm vầng trăng thì: Trăng sắp tàn *(bóng xế)* mà vẫn *khuyết chưa tròn ->* Mối tương quan giữa vầng trăng với thân phận của nữ sĩ: – Mình sắp già mà hạnh phúc vẫn xa vời, thiếu hụt; phận hẩm hiu, tình duyên cọc cạch, lẻ loi.  - Tâm trạng cô đơn, thực tại vừa đau đớn phủ phàng vừa như giễu cợt nhà thơ khi đối diện với chính mình.  **⮲*bi kịch giữa khát vọng hạnh phúc của tuổi xuân và sự thực phũ phàng.***  ***3. Hai câu luận:***  - Thiên nhiên chuyển động quẫy đạp mạnh mẽ, quyết liệt và mang hàm ý so sánh  + Biện pháp đảo ngữ:  *xiên ngang mặt đất – rêu từng đỏm*  *đâm toạc chân mây – đá mấy hòn*  =>Làm nổi bật sự phẫn uất của thân phận đất đá, cỏ cây, cũng là sự phẫn uất của tâm trạng.  + Những động từ mạnh: *xiên, đâm* được kết hợp với bổ ngữ: *ngang, toạc* độc đáo thể hiện sự bướng bỉnh, ngang ngạnh, không chỉ phẫn uất mà còn là phản kháng.  - Cách sử dụng từ ngữ “xiên ngang”, “đâm toạc” thể hiện phong cách rất HXH. Tác giả rất tài năng khi sử dụng các định ngữ và bổ ngữ đó làm cho cảnh vật trong thơ của mình bao giờ cũng sinh động và căng đầy sức sống – một sức sống mãnh liệt ngay cả trong tình huống bi thương.  ***⮲Bản lĩnh, cá tính mạnh mẽ không cam chịu của Hồ Xuân Hương*** *– một sức sống mãnh liệt ngay cả trong tình huống bi thương.*  ***4. Hai câu kết:***  - Một con người phải chấp nhận một cuộc đời nhàm chán, lặp lại buồn tẻ  + *Ngán*: ngán nỗi đời éo le, bạc bẽo  + *Xuân* (mùa xuân, tuổi xuân): Mùa xuân đi rồi trở lại với thiên nhiên, cây cỏ; Tuổi xuân (con người) qua là không bao giờ trở lại.  + *Lại lại* (*xuân đi xuân lại lại*): từ “lại” thứ nhất là thêm một lần nữa, từ “lại” thứ hai nghĩa là trở lại. Sự trở lại của mùa xuân đồng nghĩa với sự ra đi của tuổi xuân.  => Hình ảnh một người đàn bà tù túng, bức bối trong dòng thời gian dằng dặc buồn bã đang cay đắng chán chường nhìn hương sắc đời mình tàn tạ hiện lên làm rợn buốt lòng người đọc.  - Thủ pháp nghệ thuật tăng tiến: *Mảnh tình* (đã bé) – (lại) *san sẻ* - *tí*(ít ỏi) – *con con* => càng xót xa, tội nghiệp.  ***⮲ Tâm trạng chán chường buồn tủi của một người gặp nhiều trắc trở, éo le trong tình duyên.*** |
| **III. Tổng kết:**  - Nội dung: Bản lĩnh Hồ Xuân Hương được thể hiện qua tâm trạng đầy bi kịch: vừa buồn tủi, phẫn uất trước tình cảnh éo le, vừa khao khát cháy bỏng được sống hạnh phúc  - Nghệ thuật: Sử dụng từ ngữ giản dị mà đặc sắc (trơ, xiên ngang, đâm toạc, tí con con…), hình ảnh giàu sức gợi cảm (trăng khuyết chưa tròn, rêu xiên ngang, đá đâm toạc…) để diễn tả các biểu hiện phong phú, tinh tế của tâm trạng. Việt hóa thể thơ Đường luật. |